TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2026/HS-ST
Ngày 07 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Ksor H'Qúa, nghề nghiệp: Cán bộ công chức

+ Bà Võ Thị Phương Linh, nghề nghiệp: Cán bộ y tế.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai tham gia phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Liệu- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai (Cơ sở 2), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2026/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị C, sinh năm 1961 tại Ninh Bình; Nơi thường trú: Ấp L, xã L, thành phố Hồ Chí Minh; Nơi tạm trú: Buôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá K, tên gọi khác là Nguyễn Văn X và bà Vũ Thị D, tên gọi khác là Vũ Thị D1 (đều đã chết); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Có chồng đã ly hôn và có 01 con sinh năm 1987; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1963. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Trần Tiến C1 –Luật sư thuộc Văn phòng L2. Có mặt.

Địa chỉ: Số A, đường L, phường D, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Ksor S, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn H, xã I, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Trần Quốc H, sinh năm 1983. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn S, xã I, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Rah Lan K1, sinh năm 1999. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn H, xã I, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1980. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn S, xã I, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Siu M, sinh năm 1997. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn H, xã I, tỉnh Gia Lai.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Lê Xuân S1, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn T, xã I, tỉnh Gia Lai.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Ông Nay Dăm T, sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, xã P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 1999, bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1961, tạm trú tại: Buôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai, mua một mảnh đất diện tích 2849m^2 tại thửa số 62, tờ bản đồ 30 thuộc buôn Tơ Nia, xã I, tỉnh Gia Lai của ông Nay D2, trú tại Buôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai. Đến năm 2001, bà C bán lại lô đất trên cho bà Phạm Thị B, sinh năm 1963, trú tại Buôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai với giá tiền 9.000.000 đồng, bà B trả trước 03 triệu đồng và hẹn đến năm 2003 sẽ trả đủ số tiền còn lại. Bà C đồng ý và giao đất cho bà B. Bà C vào tỉnh Bình Dương sinh sống. Qúa trình mua bán phát sinh tranh chấp. Bà C cho rằng bà B không trả đủ tiền theo cam kết, bà B cho rằng đã thanh toán xong số tiền còn thiếu cho bà C, tuy nhiên, khi trả tiền vì tin tưởng nên không yêu cầu bà C viết giấy biên nhận tiền. Đến năm 2015, bà B mua cây giống huỳnh đàn và cây hương trồng lên phần đất này. Ngày 26/10/2017, Bà C khởi kiện vụ án dân sự đến Tòa án nhân dân huyện Krông Pa (cũ) để giải quyết. Ngày 27/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa (cũ) ra Quyết định đình chỉ giải quyết do bà C rút đơn khởi kiện.

Ngày 19/5/2025, bà C nhờ Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1979, trú Buôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai đến chặt các cây Huỳnh đàn và H2 tại diện tích đang tranh chấp. Khi nhờ bà C nói với ông H1 đây là đất của mình. Ông H1 chặt 02 cây Huỳnh đàn và 02 cây H2, sau đó xin các cây trên về làm củi đốt. Ngày 20/5/2025, Công an xã I đến lập biên bản giải quyết vụ việc.

Khoảng 10 giờ ngày 29/5/2025, bà C thấy Ksor S, sinh năm 1999, trú tại Buôn H, xã I và Trần Quốc H, sinh năm 1983, trú tại Thôn S, xã I đang lưu thông trên đường Q và phía sau chở cưa máy nên bà C nảy sinh ý định cắt hạ cây trên diện tích đất trên để đòi lại đất. Bà C đã thuê Ksor S và Trần Quốc H với giá 300.000đồng/01 ngày thì Ksor S và Trần Quốc H. Khi thuê bà C nói đây là đất của mình. Ksor Sai và Trần Quốc H thuê thêm Siu M (Sinh năm 1997), Rah Lan K1 (Sinh năm 1999), Nguyễn Đức L (Sinh năm 1980) đến cắt cho nhanh, bà C đồng ý. Rah Lan K1 cầm theo cưa máy đến, cả nhóm cắt hạ đến 12 giờ 40 phút cùng ngày thì ông Lê Xuân S1, sinh năm 1975, trú tại Buôn T, xã I phát hiện báo bà B biết, bà B báo Công an xã I xử lý theo quy định.

Ngày 30/5/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G chủ trì, phối hợp với Viện KSND huyện K (nay là Viện KSND khu vực 12, Hạt Kiểm lâm huyện K (nay là Hạt Kiểm lâm khu vực P), Phòng K2 Công an tỉnh G tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 47/KLGĐ ngày 26/8/2025 của Trung tâm Quy hoạch nông nghiệp và môi trường tỉnh G xác định gỗ tròn, củi bị thiệt hại là 4,261 m^3.

Tại Bản kết luận định giá số 290/KL-HĐĐGTS ngày 20/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Gia Lai kết luận:

+ 120 cây Huỳnh đàn cắt hạ ngày 29/5/2025 có giá 18.399.960 đồng.

+ 02 cây Huỳnh đàn bị cắt hạ ngày 19/5/2025 có giá 306.666 đồng.

+ 02 cây H2 bị cắt hạ ngày 19/5/2025 có giá 288.954 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 02/KL-HĐĐGTS ngày 10/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Gia Lai kết luận 4,261 m^3 gỗ, củi có giá là 4.779.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 08/CT - VKS ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Thị C về tội *"Hủy hoại tài sản"* theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 (Sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Đối với việc bị cáo nhờ Nguyễn Hồng H1 chặt 02 cây H2 và 02 cây Huỳnh đàn trị giá 595.620 đồng vào ngày 19/5/2025 đã được Công an xã I tiếp nhận, xử lý nên không đề cập trong vụ án này.

Đối với hành vi của Ksor S, Trần Quốc H, Siu M, Nguyễn Đức L và Rah Lan K1 khi thực hiện hành vi chặt hạ 120 cây Huỳnh đàn thì bị cáo nói với cả nhóm là tài sản của mình, các đối tượng không biết đây là tài sản của bà B nên không có căn cứ xử lý Ksor S, Trần Quốc H, S, Nguyễn Đức L và Rah Lan K1.

Bị hại bà B có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây gọi tắt là HĐXX) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không cho bị cáo đi tù.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị C phạm vào tội *"Hủy hoại tài sản"*, đồng thời đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của BLHS: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

T1 trả cho ông S 01 cưa máy nhãn hiệu STIHL và 01 cưa máy nhãn hiệu FUJIKAWA 5200; trả cho ông M1 01 cưa máy nhãn hiệu MASTER 365 và trả cho ông K1 01 cưa máy không rõ nhãn hiệu.

Về trách nhiệm bồi thường và vấn đề dân sự: công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo bồi thường cho bị hại 80.000.000 đồng, đã đưa trước 40.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng trả vào ngày 07/6/2026.

Không phạt bổ sung với bị cáo vì không có tài sản riêng gì.

Ngoài ra còn buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quan điểm thống nhất với đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai về Điều luật, tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, tỉnh Gia Lai; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo C biết rõ 120 cây Huỳnh đàn trồng trên diện tích 2849m^2 đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30 thuộc Buôn T, xã I, tỉnh Gia Lai đang tranh chấp đất đai chưa giải quyết xong giữa bị cáo Nguyễn Thị C và bà Phạm Thị B là tài sản của bà Phạm Thị B trồng từ năm 2015 nhưng bị cáo C vẫn thuê Nguyễn Đức L, Trần Quốc H, S, Ksor S và Rah Lan Kuối cắt hạ, hủy hoại gây thiệt hại 18.399.960 đồng cho bà B.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng, lời luận tội của Kiểm sát viên và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo C đã phạm vào tội *"Hủy hoại tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo C do có mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai kéo dài chưa giải quyết xong nên đã thuê người cắt hạ, hủy hoại 120 cây Huỳnh đàn gây thiệt hại 18.399.960 đồng của bà B, nên đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 của BLHS.

[4] Về tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ra mất trật tự trị an xã hội. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là điều cần thiết.

Bị cáo C một mình trực tiếp thực hiện hành vi hủy hoại tài sản cho bị hại bà B nên phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự cho hành vi của mình. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện bồi thường 40.000.000 đồng cho bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS áp dụng cho bị cáo.

Ngoài ra tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và lời luận tội của Kiểm sát viên, thì

HĐXX xét thấy, chỉ vì có mâu thuẫn tranh chấp đất đai mà bị cáo đã thuê người cắt hạ, hủy hoại tài sản của bị hại, nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên có đủ điều kiện để xử phạt hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của BLHS mà không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng xã hội nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục, cải tạo, trừng trị nói riêng đối với bị cáo, tính răn đe phòng ngừa chung cho xã hội tại địa phương.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Đồng thời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cũng đồng thuận với quan điểm của Viện kiểm sát nên cần chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự và vấn đề liên quan khác:

Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện thỏa thuận và đồng ý bồi thường cho bị hại 80.000.000 đồng, đã đưa trước 40.000.000 đồng, hẹn trả 40.000.000 đồng còn lại vào ngày 07/6/2026 cho bị hại. Việc tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại thể hiện ý chí tự nguyện của bị cáo và bị hại, phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX công nhận và buộc bị cáo phải thực hiện.

Đối với việc bị cáo nhờ ông Nguyễn Hồng H1 chặt 02 cây H2 và 02 cây Huỳnh đàn trị giá 595.620 đồng vào ngày 19/5/2025 đã được Công an xã I tiếp nhận, xử lý nên không đề cập trong vụ án này. Nay HĐXX không xem xét đến.

Đối với hành vi của Ksor S, Trần Quốc H, Siu M, Nguyễn Đức L và Rah Lan K1 khi thực hiện hành vi chặt hạ 120 cây Huỳnh đàn thì bị cáo nói với cả nhóm là tài sản của mình, các đối tượng không biết đây là tài sản của bà B nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với Ksor S, Trần Quốc H, Siu M, Nguyễn Đức L và Rah Lan K là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

[6] Về xử lý vật chứng:

01 cưa máy nhãn hiệu STIHL; 01 cưa máy nhãn hiệu FUJIKAWA 5200 của ông S; 01 cưa máy nhãn hiệu MASTER 365 của ông M1 và 01 cưa máy không rõ nhãn hiệu của ông K1 không là công cụ phương tiện phạm tội mà là tài sản của ông M1, ông S và ông K1 nên cần trả lại cho ông M1, ông S ông K1 là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng gì nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội *"Hủy hoại tài sản"*.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 07 *(Bảy)* tháng tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 *(Mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 07/5/2026.

Giao người được hưởng án treo Nguyễn Thị C cho UBND xã I, tỉnh Gia Lai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng Điều 46, Điều 48 của BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Thị C và bị hại bà Phạm Thị B. Buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải tiếp tục bồi thường cho bị hại bà Phạm Thị B 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* vào ngày 07/6/2026.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Căn cứ Điều 47 của BLHS, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025:

T1 trả cho ông Ksor S 01 *(Một)* cưa máy nhãn hiệu STIHL và 01 *(Một)* cưa máy nhãn hiệu FUJIKAWA 5200; Trả cho ông Siu M 01 *(Một)* cưa máy nhãn hiệu MASTER 365 và trả cho ông Rah L1 Kuối 01 *(Một)* cưa máy không rõ nhãn hiệu.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, tỉnh Gia Lai.

4. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải nộp 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng),* án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc H, ông Rah Lan K1, ông Nguyễn Đức L và ông Siu M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (07/5/2026), còn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ksor S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 12-Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Lưu HSVA, THAHS và VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đỗ Khắc Toản